

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 149/UBND-KT
V/v lấy ý kiến công nhận
xã Long Hữu đạt chuẩn
nông thôn mới nâng cao

Thị xã Duyên Hải, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Kính gửi:

- Hội Liên hiệp Phụ nữ thị xã; Hội Nông dân thị xã; Thị Đoàn; Hội Cựu chiến binh thị xã; Liên đoàn lao động thị xã;
- Ban biên tập Cổng thông tin điện tử thị xã;
- Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thị xã;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ về việc Ban hành Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi Quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số: 1306/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025;

Qua xem xét các Báo cáo số 04/BC-VPĐP ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới thị xã về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Long Hữu thị xã Duyên Hải năm 2022 (đính kèm báo cáo). Để hoàn chỉnh thủ tục, hồ sơ gửi về Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh thẩm định, xét công nhận xã Long Hữu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, Ủy ban nhân dân thị xã có ý kiến đề nghị như sau:

1. Hội Liên hiệp Phụ nữ thị xã, Hội Nông dân thị xã, Thị đoàn, Hội Cựu chiến binh thị xã, Liên đoàn Lao động thị xã và Ủy ban nhân dân các xã, phường cho ý kiến bằng văn bản về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao xã Long Hữu trong thời gian qua.

2. Ban biên tập Cổng thông tin điện tử thị xã đăng tải báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải năm 2022 để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thị xã.

3. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thị xã bố trí khung giờ hợp lý để phát thông báo ít nhất 03 lần (từ ngày 25 tháng 01 đến ngày 10 tháng 02 năm 2023) để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân và Nhân dân trên địa bàn thị xã về việc công nhận xã Long Hữu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022, với nội dung thông báo như sau:

“Sau hơn 08 năm xã Long Hữu đạt chuẩn xã nông thôn mới từ năm 2014-2022. Đến nay, xã Long Hữu đạt 19/19 tiêu chí. So với quy định, xã Long Hữu đã đủ điều kiện đề nghị Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, xem xét trình ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022. Do đó, Ủy ban nhân dân thị xã thông báo đến tất cả cán bộ và Nhân dân trên địa bàn thị xã về việc Ủy ban nhân dân thị xã đề nghị với Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh thẩm định, xem xét trình UBND tỉnh Trà Vinh công nhận xã Long Hữu đạt xã nông thôn mới nâng cao năm 2022. Ủy ban nhân dân thị xã rất mong có sự tham gia đóng góp ý kiến rộng rãi trong Nhân dân về nội dung nêu trên. Mọi ý kiến góp ý gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới thị xã qua Địa chỉ: Đường 3/2, khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải, điện thoại: 0294.3832031”.

4. Ý kiến đóng góp gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới thị xã Duyên Hải qua địa chỉ: 3/2, khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải chậm nhất đến hết ngày 10/02/2023.

Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ thị xã, Hội Nông dân thị xã, Thị đoàn, Hội Cựu chiến binh thị xã, Liên đoàn Lao động thị xã, Ban biên tập Cổng thông tin điện tử thị xã, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thị xã và Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện đúng nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT; các PCT UBND thị xã;
- Phòng kinh tế thị xã;
- VPĐP NTM;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Nhân

Số: 04/BC-VPĐP

Duyên Hải, ngày 18 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Long Hữu thị xã Duyên Hải

Căn cứ quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ về việc Ban hành Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi Quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 66/KH-BCĐ ngày 22/8/2022 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh về việc triển khai chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2022;

Căn cứ quyết định số 1306/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới và bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ III, nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Đảng bộ thị xã Duyên Hải;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TXU, ngày 14/01/2022 của Thị ủy Duyên Hải về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị năm 2022

Căn cứ kế hoạch số 02/KH-BCĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2022 về việc Ban hành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã Duyên Hải giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của UBND xã Long Hữu tại Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Long Hữu, UBND thị xã Duyên Hải báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Long Hữu, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra 01 ngày (18/01/2023):

1. Về hồ sơ:

Gồm các văn bản sau:

1.1 Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân xã Long Hữu về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Long Hữu đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao năm 2022 (bản chính, theo Mẫu)

1.2 Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới);

1.3 Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính, theo Mẫu);

1.4 Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển ấp) đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu);

1.5 Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính);

1.6 Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao:

2.1 Về việc xây dựng các văn bản chỉ đạo:

Căn cứ Quyết định 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025. Đảng ủy đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/ĐU ngày 25/01/2022 về xây dựng xã nông thôn mới nâng cao năm 2022; UBND xã cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng ủy xây dựng kế hoạch số 28-KH/UBND ngày 15/7/2022 xây dựng xã nông thôn mới nâng cao năm 2022. Đồng thời, chỉ đạo 8/8 ấp xây dựng Nghị quyết và kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện.

2.2. Công tác kiện toàn, tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo xã:

Ban Chỉ đạo xã cũng như Ban phát triển các ấp luôn làm tốt công tác kiện toàn, củng cố, thay đổi thành viên nhằm đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Trong quá trình tổ chức thực hiện có ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban quản lý và Ban phát triển của mỗi ấp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên BCD phối hợp với ấp để triển khai tổ chức thực hiện.

2.3. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao:

UBND xã định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm có thành lập đoàn kiểm tra, rà soát công tác nâng chất các nội dung ấp, hộ nông thôn mới, các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, tổng hợp số liệu về tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, hiện trạng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật của xã để làm cơ sở chỉ đạo xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đạt theo chỉ tiêu Nghị quyết của Đảng ủy.

Trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhìn chung các bước đều có bám theo quy trình, trong thực hiện luôn có sự giám sát của nhân dân và cộng đồng nhất là các công trình giao thông nông thôn, xây dựng cơ bản trên địa bàn... Định kỳ có tổ chức họp sơ, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện để rút kinh nghiệm cho từng tiêu chí.

Công tác truyền thông, vận động

Công tác tuyên truyền, vận động, được Đảng ủy, BCD xã chú trọng quan tâm từ xã đến ấp. Kết quả đã tuyên truyền được 247 cuộc có 4.027 lượt cán bộ đảng viên, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân tham dự và nghe. Hình thức, nội dung tuyên truyền đa dạng và phong phú như: lồng ghép thông qua các cuộc họp sơ kết tháng, quý, tổng kết, họp chuyên đề, các buổi sinh hoạt lệ chi bộ, chi, tổ hội ở các ấp và thông qua loa truyền thanh xã, ấp... Nội dung tuyên truyền văn bản các cấp như Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022

của Thủ tướng Chính phủ về ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025. Nhìn chung qua công tác tuyên truyền cho thấy nhận thức của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân được nâng lên, hiểu đầy đủ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng về quyền và trách nhiệm của người dân cùng với Đảng, chính quyền chung tay xây dựng nông thôn mới bằng những việc làm cụ thể như: Đóng góp xây dựng đèn đường nông thôn, cột cờ, ngày công lao động, đóng góp vật chất xây dựng tuyến đường hoa, hiến đất, hiến cây nạo vét kênh nội đồng, đường giao thông nông thôn, huy động tập hợp người dân tham gia vào Hợp tác xã; tham gia ngày thứ bảy, chủ nhật, quét dọn, thu gom rác vệ sinh môi trường trên địa bàn thật sự sáng - xanh - sạch - đẹp.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân được tiếp tục chú trọng, nội dung tuyên truyền chủ yếu xoay quanh vấn đề thực hiện 19 tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao, các chủ trương, 08 tiêu chuẩn ấp, hộ Nông thôn mới, công tác vệ sinh môi trường, công tác giữ vững an ninh trật tự, cải thiện môi trường thắp sáng đường quê, đảm bảo tốt an ninh, trật tự xã hội, tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện, vận động nhân dân hiến đất làm đường giao thông, trồng và chăm sóc tuyến đường hoa, dọn dẹp cảnh quan môi trường ...được 206 cuộc với 3.667 tham dự.

Công tác đào tạo, tập huấn: Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh Trà Vinh tập huấn công tác xây dựng nông thôn mới được 02 cuộc có 50 lượt cán bộ, công chức tham gia.Đưa 125 lượt cán bộ tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ như: Về công tác hòa giải, công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản, môi trường, các chuyên môn khác.....; Tổ chức tập huấn nhóm thời sự, chính sách pháp luật 02 lớp có 200 lượt người tham dự. Ngoài ra Ủy ban nhân dân xã Phối hợp Trung tâm Khuyến Nông tỉnh Trà Vinh, Chi cục trồng trọt bảo vệ thực vật, phòng kinh tế thị xã triển khai các lớp tập huấn kỹ thuật chăm sóc và phòng bệnh trên cây trồng; tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng; nuôi dê sinh sản; hướng dẫn thu gom bao thuốc bảo vệ thực vật; cho nhân dân được 21 lớp có 655 lượt người tham dự.

2.4 Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

- Thực hiện Đề án phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, UBND xã đã tuyên truyền, vận động nhân dân chăm lo phát triển sản xuất nông nghiệp và nuôi thủy sản trên địa bàn và tuyên truyền các chính sách nhằm khuyến khích phát triển tái cơ cấu ngành nông nghiệp cụ thể:

- Đầu năm UBND xã xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nhằm tạo điều kiện cho phát triển sản xuất phù hợp với từng khu vực sản xuất.

- Triển khai nghị quyết 03/2021/NQ- HĐND ngày 19/3/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh trà vinh ban hành chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh trà vinh giai đoạn 2021-2025.

- Vận động Nhân dân tích cực tăng gia sản xuất phát triển kinh tế gia đình.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 của xã: 65.060.000 đồng/người/năm.

- Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn. Toàn xã hiện có 326 cơ sở dịch vụ vừa và nhỏ phục vụ nhu cầu người tiêu dùng trong và ngoài xã. Duy trì các cơ sở sửa chữa cơ khí, hàn tiện, sửa chữa máy móc, sản xuất nước đá...góp phần làm tăng giá trị sản xuất, ổn định phát triển kinh tế gia đình xóa đói, giảm nghèo.

Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân: Được sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, sự hưởng ứng tích cực của các ban, ngành, các tổ chức đoàn thể từ xã đến ấp, các doanh nghiệp, HTX và sự nỗ lực của Nhân dân xã nhà nên đạt được nhiều kết quả trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được cải thiện rõ rệt, nhất là người nghèo, hộ nghèo, hộ chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội. Các tổ chức đoàn thể đã triển khai và nhân rộng nhiều mô hình giảm nghèo có hiệu quả như: Mô hình nuôi bò vỗ béo của Hội Nông dân; mô hình đồng tiền đồng đội của Hội Cựu chiến binh; mô hình hùng vốn phát triển kinh tế gia đình của Hội LHPN... Trong nhiều năm qua, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo đã giảm đáng kể; cuối năm 2022 xã còn 81 hộ (trong đó có 31 hộ nghèo, hộ cận nghèo không khả năng lao động) chiếm tỷ lệ 1,88 %. (so với năm 2014 giảm 102 hộ nghèo và 135 hộ cận nghèo)

- Hàng năm UBMTTQ phát động cuộc vận động “Quỹ vì người nghèo” được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân hưởng ứng tích cực; bên cạnh đó được tỉnh hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa 60 căn số tiền 2.100.000.000 đồng; nhà tình thương 19 căn số tiền 830.000.000 đồng; quà cho hộ nghèo, cận nghèo số tiền 1.450.000.000 đồng; gia đình chính sách số tiền 784.000.000 đồng; thể hiện tình cảm tương thân tương ái, tính nhân văn sâu sắc, góp phần vào công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và phong trào toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới nâng cao.

2.5. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới.

- Tổng nguồn vốn từ năm 2014 đến nay: 180.495.200.000 đồng trong đó:
- Vốn Trung ương: 4.629.000.000 đ, chiếm 2,56%
- Ngân sách tỉnh: 86.337.800.000 đ, Chiếm 42,84%;
- Ngân sách thị xã : 71.800.000.000 đ, chiếm 39,78 %;
- Ngân sách xã: 4.071.000.000 đ, chiếm 7,24%;
- Nhân dân đóng góp: 13.657.400.000 đồng, chiếm 7,58 %.(chủ yếu là phân hiến đất và ngày công lao động).

3. Xã Long Hữu đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2014, theo quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Thực hiện theo Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025. Đến nay xã đạt 19/19 tiêu chí đạt cụ thể:

4.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

1.1 Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

1.2 Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

1.3 Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

1.1 Xã phối hợp với ngành chuyên môn thị xã lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030. Công bố quy hoạch sử dụng đất 2021 và các bản vẽ quy hoạch được niêm yết công khai tại UBND xã để người dân biết và thực hiện. Tổ chức 02 cuộc họp dân về quy hoạch sân vận động tại ấp 17. Quyết định số 2972-QĐ/UBND, ngày 28/12/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã về phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Long Hữu.

1.2 Xã có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

1.3 Xã có quy hoạch chi tiết trung tâm hành xã và các điểm dân cư trên địa bàn xã theo quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 1 **đạt** (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

2.1 Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.

2.2 Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp: Được cứng hóa và bảo trì hàng năm (100%), Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp ($\geq 80\%$).

2.3 Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp ($\geq 90\%$).

2.4 Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa ($\geq 70\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

2.1 Xã có 01 tuyến đường liên xã từ Hiệp Thạnh giáp xã Ngũ Lạc với chiều dài 14 km, được bảo trì sửa chữa hàng năm, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Đảm bảo - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết như biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc, cây xanh... đúng theo quy định 100%, hệ thống đèn chiếu sáng đạt 14/14 km chiếm 100%. (so với năm 2014 tăng 14km đèn chiếu sáng đạt 100%) .

2.2 Đường trục ấp, liên ấp: Hiện xã có 11 tuyến đường trục ấp, liên ấp, chiều dài 23,4 km. Đến nay đã được cứng hóa 100%. (so với năm 2014 tăng 3,2 km, chiếm 13,6 %)

Các hạng mục cần thiết theo quy định như: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng 19.4/ 23.4 chiếm 82,9%. (so với năm 2014 tăng 19,4 km chiếm 82.9%) .

2.3 Đường ngõ, xóm: Xã có 8 tuyến đường ngõ, xóm chiều dài 7.6 km. Trong năm triển khai tuyến đường từ ấp 16 đầu nổi tỉnh lộ 914 (đường trạm y tế) đã nghiệm thu đưa vào sử dụng. Đến nay đã được cứng hóa 100 %. Hệ thống đèn chiếu sáng 7.6/7.6 km chiếm 100 %. (so với năm 2014 tăng 5,6 km).

2.4 Đường trục chính nội đồng: Có 09 tuyến đường trục chính nội đồng, tổng chiều dài 12,6 km. Đến nay đã được cứng hóa 100 % (so với năm 2014 tăng 3,1 km, tăng 24,6 %) ..

Tổng kinh phí: 156,624.2 tỷ đồng.

- Ngân sách Trung ương: 4,629 tỷ đồng

- Ngân sách tỉnh: 78,437.8 tỷ đồng.

- Ngân sách thị xã: 67,900 tỷ đồng
- Dân đóng góp: 13,657.4 tỷ đồng.
- Ngân sách xã: 3,396 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 2 **đạt** (tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.1 Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 90\%$.

3.2 Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững

3.3 Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước ($\geq 50\%$ diện tích cây trồng chủ lực của xã được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước).

3.4 Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm

3.5 Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi

3.6 Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (đạt loại khá trở lên).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.1 Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 550 ha diện tích được tưới và tiêu nước chủ động đạt 100%. (so với năm 2014 tăng 320 ha tăng 58%)

3.2 Trên địa bàn xã có thành lập Ban quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 10/8/2022; đồng thời ban hành quy chế hoạt động của ban quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, có xây dựng phương án số 01/PA-BQL ngày 10/8/2022 của ban quản lý hoạt động đúng quy định. Xã có xây dựng bản đồ hiện trạng thủy lợi trên địa bàn.

3.3 Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực trên địa bàn xã là 219,59 ha diện tích được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước như tưới nhỏ giọt, tưới phun sương, màn phủ... 100%. (so với năm 2014 tăng 24,6 ha, tăng 11,2 %)

3.4 Xã có 26 tuyến kênh thủy lợi nội đồng và khuê bao có tổng chiều dài 65.336 m phân bố trên toàn xã và được nạo vét và bảo trì hàng năm theo quy định, nhằm đảm bảo cấp thoát nước phục vụ cho người dân.

3.5 Các công trình thủy lợi đều được kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải đảm bảo không ô nhiễm.

3.6 UBND xã có thành lập Ban Chỉ huy PCTT và TKCN theo Quyết định số: 976/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 và kịp thời kiện toàn khi có thay đổi nhân sự; đồng thời, hàng năm đều có xây dựng kế hoạch để ứng phó khi có sự cố xảy ra nhằm đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và phòng chống thiên

tai theo yêu cầu 04 tại chỗ gồm (*Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ*) đúng theo quy định.

Tổng kinh phí: 2,400 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh: 1,800 tỷ đồng.

- Ngân sách thị xã: 0,600 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 3 **đạt** (*đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí*).

4.4. Tiêu chí số 4 về Điện:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định $\geq 99\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hiện toàn xã có 02 lưới điện gồm điện lực và điện nông thôn, 125 trạm biến áp, có 75,124 km đường dây trung áp, 79,334 km đường dây hạ áp, có 3.520 công tơ nhằm đáp ứng phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn và đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật theo quy chuẩn hiện hành.

Toàn xã có 2.576/2.576 hộ sử dụng điện thường xuyên đảm bảo toàn về kỹ thuật điện đạt 100%. ($\geq 99\%$ đạt). (so với năm 2014 tăng 125 hộ)

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 4 **đạt** (*đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí*).

4.5. Tiêu chí số 5 về Giáo dục:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

5.1 Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 (Chỉ tiêu 100%).

5.2 Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

5.3 Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS

(Mức độ 3)

5.4 Đạt chuẩn xóa mù chữ (Mức độ 2)

5.5 Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại (Khá)

5.6 Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

5.1 Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng nâng cấp mở rộng Trường mẫu giáo Hòa Mi.

Hiện nay xã có 01 điểm trường mẫu giáo Hòa Mi đạt chuẩn Quốc gia năm 2020, đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

Trường tiểu học Châu Văn Liêm, trường trung học Nguyễn Đức Toàn và trường tiểu học Long Hữu B đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

5.2 Xã được trên công nhân đạt chuẩn chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi năm 2022 theo quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải.

5.3 Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS:

Hàng năm Ban chỉ đạo PC XMC xã Long Hữu xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, triển khai cho các trường tiểu học và THCS trên địa bàn rà soát đối tượng học sinh trong độ tuổi đến trường vận động đăng ký ra lớp. Thường xuyên theo dõi nắm bắt tình hình học sinh có nguy cơ bỏ học hoặc có điều kiện khó khăn đến vận động và hỗ trợ cho các em tiếp tục đến trường. Cuối năm 2022 được UBND thị xã Duyên Hải kiểm tra, ra quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 công nhận xã Long Hữu đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

5.4 Đạt chuẩn xóa mù chữ: Năm 2022 được UBND thị xã Duyên Hải kiểm tra, ra quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 công nhận xã Long Hữu đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

5.5 Trung tâm học tập cấp xã đánh giá, xếp loại tốt năm 2022.

5.6 Các điểm trường tổ chức dạy giáo dục thể chất, nhằm đảm bảo rèn luyện sức khỏe cho học sinh (*có mô hình bóng chuyền*).

Tổng kinh phí: 5,100 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh: 5,100 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 5 **đạt** (*đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí*).

4.6. Tiêu chí số 6 về Văn hóa:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

6.1 Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

6.2 Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

6.3 Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

6.1 Xã được đầu tư sân vận động tại ấp 17 với diện tích 11.000m² được đầu tư riêng biệt ngoài khu hành chính của xã, xã có 8/8 ấp có nhà văn hóa, thể thao được tu bổ, tôn tạo, xây mới đảm bảo diện tích, chỗ ngồi và trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa- văn nghệ của cộng đồng dân dân trên địa bàn.

Xã có khu vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi được được xây dựng tại ấp 13 có Máy đi bộ, Máy tập vai, Máy đi bộ trên không đôi, Dụng cụ tập Lung bụng, Xích đu treo, Xích đu sàn lắc... phục vụ người già và trẻ em

6.2 Xã có đình Hội Hữu là di sản văn hóa được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận. Ban quản lý di tích của Tỉnh có cắm mốc kiểm kê đình Hội Hữu.

6.3 Xã được trên tái công nhận xã văn hóa nông thôn mới theo quyết định số: 285/QĐ-UBND ngày 22/2/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải, có 8/8 ấp được công nhận ấp văn hóa nông thôn mới đạt 100%.

Kinh phí đã thực hiện: 3,675 tỷ đồng.

Ngân sách thị xã: 3,300 tỷ đồng.

Ngân sách xã: 0,675 tỷ đồng

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 6 **đạt** (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn xã Long Hữu chưa có chợ, tuy nhiên đã có quy hoạch chợ ở ấp 15, diện tích 1,5 ha được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng do hoạt động chung chợ phường 2.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 7 **đạt** (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

8.1 Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

8.2 Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.

8.3 Có dịch vụ báo chí truyền thông.

8.4 Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

8.5 Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng, ...)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

8.1 Xã có 01 điểm bưu chính có máy tính kết nối internet phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân. Nhân viên phục vụ đã được tập huấn cung cấp dịch vụ trực tuyến cho người dân.

8.2 Trên địa bàn xã có 3.148/3.811 sử dụng điện thoại thông minh chiếm 82,6%.

8.3 Xã có 01 trạm truyền thanh và 08 cụm loa không dây đảm bảo phủ sóng 8/8 ấp, hàng ngày tiếp âm đài truyền thanh thị xã, tỉnh, đài tiếng nói Việt Nam, cũng như tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của xã đảm bảo thời lượng, tạo thuận lợi cho người dân nắm bắt kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Xã có 100% ấp của xã có hộ gia đình xem được qua phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet.

8.4 Xã có ứng dụng Công nghệ Thông tin trong công tác quản lý và điều hành; 100% cán bộ công chức và bộ phận chuyên môn đều được trang bị máy tính, kết nối mạng internet và cài đặt phần mềm IOFFICE, NOTE, IGATE điện tử để phục vụ cho công tác. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến tại bộ phận một cửa chưa đảm bảo theo quy định, hiện tại tỷ lệ thực hiện giải quyết hồ sơ trực tuyến của xã được giải quyết là 2.747/4.844 đạt 56,7%. (chỉ tiêu 50%).

Có 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin. Có 70% người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản. 100% sản phẩm COCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử. 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển, địa chỉ số đến từng địa chỉ.

Mặt trận tổ quốc việt nam xã lấy ý kiến sự hài lòng của người dân. Tổng số hộ dân 2.576 hộ, tổ chức phát phiếu lấy ý kiến 2.176 hộ đạt 84,5% so số hộ toàn xã (theo quy định thực hiện lấy ý kiến ít nhất là 83%). Kết quả có 2.043 hộ có ý kiến hài lòng của người dân đạt 93,9%.

8.5 Xã có bố trí mạng wifi miễn phí ở khu vực trung tâm hành chính xã, các điểm trường, trung tâm y tế, công an, quân sự. Đáp ứng chất lượng dịch vụ, các điều kiện kỹ thuật khai thác và an toàn, an ninh thông tin theo các quy định hiện hành.

Kinh phí đã thực hiện: 1 tỷ đồng.

Ngân sách tỉnh: 01 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 8 **đạt** (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố 90 %.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trong năm triển khai xây dựng được 149 căn nhà. Nâng tổng số đến nay có 2.560/2.576 căn nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng, chiếm 99,3%. *(có danh sách kèm theo)*. Trên địa bàn xã không có nhà ở tạm bợ, dột nát.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 9 **đạt** *(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

4.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Năm 2022: ≥ 64 triệu đồng/người/năm;

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Nhờ áp dụng những khoa học kỹ thuật tiên tiến đã mang lại thu nhập đáng kể cho người dân. Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 là 65.060.000 đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 10 **đạt** *(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

4.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 ($< 2,5$)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hiện toàn xã có 21 hộ nghèo, 60 hộ cận nghèo (trong đó có 31 hộ không khả năng lao động). Vậy hộ nghèo, cận nghèo tính theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao là 50 hộ chiếm 1,88 % so với tổng số hộ). (so với năm 2014 giảm 102 hộ nghèo và 135 hộ cận nghèo).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 11 **đạt** *(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

4.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

12.1 Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 75\%$

12.2 Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 30\%$.

12.3 Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn $\geq 50\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

13.4 Có xây dựng mô hình sản phẩm chủ lực tôm thẻ chân trắng ứng dụng chuyển đổi số để truy xuất nguồn gốc cơ sở Nguyễn Đình Vinh và khô bò một nắng Trọng Nghĩa.

13.5 Sản phẩm chủ lực là ngành hàng tôm thẻ, ngành hàng bò thịt được thực hiện bán qua kênh điện tử 10%.

13.6 Xã đã hoàn thành hồ sơ đề xuất cấp mã số vùng trồng đưa cho 523 hộ để thành lập vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã.

13.7 Trên địa bàn xã không có điểm du lịch (đạt).

13.8 Xã có mô hình trồng táo dê, mô hình trồng rau nhà lưới để tham quan học tập kinh nghiệm, đảm bảo môi trường.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 13 **đạt** (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4.14. Tiêu chí số 14 về Y tế:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

14.1 Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 95\%$.

14.2 Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$.

14.3 Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 40\%$.

14.4 Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

14.1. Xã có 8.219 / 8.546 người tham gia bảo hiểm y tế đạt tỷ lệ 96,17 %.

14.2 Trên địa bàn xã có 8.019/8.793 dân số được quản lý sức khỏe chiếm tỷ lệ 91,2% ..

14.3 Xã có 3.702 / 8.793 người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa, chiếm tỷ lệ 42,1%. (đạt)

14.4 Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử 6.419/8.793 người, chiếm tỷ lệ 73 % ..

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 14 **đạt** (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4.15. Tiêu chí 15: Hành chính công.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

15.1 Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

15.2 Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

12.1 Tư vấn, giới thiệu việc làm mới cho 365 lao động tham gia đi lao động trong và ngoài tỉnh, góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Toàn xã có 3.237/ 3.811 lao động có việc làm đã qua đào tạo các ngành nghề và chuyển giao KHKT trong chăn nuôi, chiếm 84,94 %).

12.2 Xã có 1.398/ 3.811 lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, chiếm tỷ lệ 36,68%.(so với năm 2014 tăng 1.398 lao động chiếm 100 %)

12.3 Xã có 1.982/3.811 lao động làm việc trong ngành kinh tế chủ lực của địa phương, chiếm 52,01 %.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 12 **đạt** (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

13.1 Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định ≥ 1 .

13.2 Xã có ít nhất 01 sản phẩm được công nhận đạt chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên và còn thời hạn ≥ 1 .

13.3 Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm ≥ 1 .

13.4 Có ít nhất 01 sản phẩm chủ lực có ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc ≥ 1 .

13.5 Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử $\geq 10\%$.

13.6 Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

13.7 Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội (nếu có).

13.8 Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) ≥ 1 .

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

13.1 Xã có 01 HTX nuôi sò huyết Long Hữu, có 51 xã viên với tổng vốn 932.200.000 đồng. Từ khi thành lập đến nay hợp tác xã luôn hoạt động đúng theo quy định của Luật hợp tác xã năm 2012 và có hợp đồng bao tiêu sản phẩm.

13.2 Xã có 01 sản phẩm OCCOP(khô bò một nắng) đạt chuẩn 3 sao.

13.3 Xã có 09 mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao (mô hình nhà lưới trong sản xuất nông nghiệp, mô hình tảo dề) ở 03 ấp (ấp 13, ấp 14, ấp 15). Diện tích 15.800m², ước lợi nhuận 720.000.000 đồng/năm.

15.3 Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

15.1 Ứng dụng phần mềm IOFFICE, NOTE, IGATE, trong giải quyết thủ tục hành chính. Ủy ban nhân dân xã Long Hữu ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch số 47/KH-UBND, ngày 30/12/2021 về ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động cơ quan năm 2022.

15.2 Xã có ứng dụng Công nghệ Thông tin trong công tác quản lý và điều hành, Qua ra soát, đến nay có 144 thủ tục hành chính thuộc UBND xã Long Hữu, đã xây dựng quy trình điện tử đăng tải Cổng dịch vụ công tỉnh với 144 dịch vụ, đảm bảo đạt 100% các dịch vụ đủ điều kiện cung ứng mức 3 trở lên (trong đó: Có 57 dịch vụ mức độ 3, 45 dịch vụ mức 4). Số lượng hồ sơ trực tuyến trong năm 2022 đã giải quyết đúng hạn cho người dân là 2.747/4.844 hồ sơ, đạt 56,7 % so tổng số hồ sơ tiếp nhận. 100% cán bộ công chức và bộ phận chuyên môn đều được trang bị máy tính, kết nối mạng internet và cài đặt phần mềm IOFFICE, NOTE, IGATE, điện tử để phục vụ cho công tác.

15.3 Trong năm UBND xã Long Hữu giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra tình trạng khiếu nại vượt cấp.

Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/8/2017 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức cá nhân.

100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Trong 3 năm liên kế kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hạn đạt 100%.

Mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 15 **đạt** (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4.16. Tiêu chí 16. Tiếp cận pháp luật.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

16.1 Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận ≥ 1 .

16.2 Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành $\geq 90\%$.

16.3 Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

16.1 Xã có 8 tổ hòa giải ở 8 ấp và 01 hòa giải ở xã. Có 01 mô hình điển về hòa giải cơ sở.

16.2 Trong năm tổ hòa giải các ấp tiếp nhận 13 đơn tiến hành hòa giải thành 13 đơn chiếm tỷ lệ 100%.

16.3 Trên địa bàn xã các đối tượng không có nhu cầu trợ giúp pháp lý.

Xã có phối hợp với phòng Tư pháp và các ngành chuyên môn xã tổ chức tốt về tuyên truyền phổ biến pháp luật cho nhân dân trong xã như: Bảo đảm thi hành Hiến pháp và Pháp luật, thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND xã. Được UBND thị xã, Phòng Tư pháp kiểm tra, kết quả xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định của năm 2021.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 16 **đạt** (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4.17. Tiêu chí 17: Về môi trường.

17.1 Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

17.2 Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

17.3 Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 95\%$.

17.4 Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 35\%$.

17.5 Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$.

17.6 Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%.

17.7 Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$.

17.8 Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 85\%$.

17.9 Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch

17.10 Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 10\%$

17.11 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4 \text{ m}^2$

17.12 Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 70\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

17.1 Trên địa bàn xã có 01 cơ sở giết mổ, 01 trạm y tế có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

17.2 Trên địa bàn xã có 32 cơ sở sản xuất, kinh doanh và 130 cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh mật độ cao có cam kết/kế hoạch đảm bảo các quy định bảo vệ môi trường đạt 100%, tất cả các hộ đều thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường theo cam kết.

17.3 Chất thải rắn sinh hoạt: Có 2.523/2.576 hộ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt 97,94% (155 hộ được thu gom từ Công ty TNHH dịch vụ Nguyễn Gia, 106 hộ đăng ký mô hình phân loại rác tại nguồn, 2.262 hộ tự thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp).

Chất thải rắn không nguy hại phát sinh 2628,24 kg được thu gom xử lý đạt 100% (155 hộ do Công ty TNHH dịch vụ Nguyễn Gia thu gom khoảng 166,24 kg, 106 hộ đăng ký thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn khoảng 110 kg, 2.262 hộ tự thực hiện thu gom xử lý khoảng 2.352 kg).

17.4 Hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả 1.318/2576 hộ đạt 51,16 %. Có 8/8 ấp đều có mô hình 5 không 3 sạch của Chi hội phụ nữ. Các hộ gia đình đều có hệ thống tiêu thoát nước đảm bảo vệ sinh không chảy tràn, đổ thải bừa bãi ra đường làng, ngõ xóm, không tạo thành các vũng, ao tù nước đọng, không làm ô nhiễm môi trường không khí và nguồn nước xung quanh.

17.5 Xã có 1.424/2576 hộ gia đình đăng ký thực hiện phân loại rác thải tại nguồn (trong đó có 106 hộ đăng ký thực hiện mô hình, còn lại hộ tự phân loại tại nhà) đạt 55,3% .

17.6 Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%. Trên địa bàn xã có 929 hộ sản xuất nông nghiệp, xã có bố trí 118 bể chứa thu gom vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật và 01 trạm y tế có phát sinh chất thải nguy hại , tất cả chất thải rắn nguy hại phát sinh từ 02 nguồn trên đều được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.

17.7 Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi

18.7 Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch $\geq 80\%$.

18.8 Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

18.1 Xã có 1.655/2.576 hộ được cung cấp nước sạch đạt 64,2 %).(so với năm 2014 tăng 397 hộ, tăng 23,3 %)

18.2 Hệ thống cấp nước sinh hoạt đạt bình quân đầu người/ngày đêm đạt 70 lít.

18.3 Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 40\%$.

18.4 Có 57/57 hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được tập huấn về an toàn thực phẩm.

18.5 Trên địa bàn xã không xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm.

18.6 Xã có 02 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm sản xuất được chứng nhận an toàn về thực phẩm.

18.7 Xã có 2.168/2.576 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, chiếm tỷ lệ 84,2%.(so với năm 2014 tăng 325 hộ, tăng 24,2 %)

18.8 Trên địa bàn xã có 01 bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tập trung của thị xã, hiện tại bãi chôn lấp đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 18 **đạt** (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4. 19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

19.1 Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

19.2 Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

19.1 Xây dựng KH về công tác phòng chống cháy nổ, cháy rừng và ứng phó sập đổ công trình năm 2022. Xây dựng KH công tác phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2022. Phối hợp các ấp năm nguồn thanh niên trong độ tuổi 17 là 68 thanh niên. Tiếp nhận 08 quân nhân xuất ngũ trở về địa, đưa 11 thanh niên lên đường nhập ngũ năm 2022.

Phối hợp cùng Công an xã bảo vệ tuần tra bảo vệ an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội được 114 cuộc có 342 lượt đồng chí cán bộ chiến sĩ Ban CHQS

trường (các phụ phẩm nông nghiệp tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, hoặc ủ bón cho cây trồng) đạt 85 %.

17.8 Toàn xã có 1.397/1.532 hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường chiếm 91,2%.

17.9 Xã sử dụng nghĩa trang liên xã với phường 2, tuy nhiên xã có quy hoạch nghĩa trang nhân dân địa điểm ấp 14 diện tích 1,6 ha.

17.10 Phối hợp cùng các tổ chức chính trị xã hội tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn thể và người dân từng bước thay đổi suy nghĩ, tư duy, tập huấn để đưa việc sử dụng hình thức hỏa táng trở thành hình thức hỏa táng phổ biến của người dân theo hướng văn minh, hiện đại, tiết kiệm đất đai và bảo vệ môi trường. Năm 2022 có 6/43 trường hợp thực hiện hỏa táng, chiếm tỷ lệ 14%. *(Tự đánh giá: Đạt).*

Hiện nay trên địa bàn thị xã Duyên Hải chưa có nhà hỏa táng nên chưa sử dụng hình thức hỏa táng nhiều trên địa bàn, hướng tới xã sẽ đề nghị các sở ngành có liên quan quy hoạch thực hiện nhà hỏa táng trên địa bàn.

17.11 Toàn xã có 08 tuyến đường hoa ở 08 ấp. Trong năm Các ấp trồng được 5.250 các loại (300 cây bằng lăng, 550 cây hoa hoàng yến, 100 cây bông giấy, 4.200 cây bông trang). Nâng đến nay trồng được 18.550 cây dọc các tuyến đường Tỉnh lộ 914, Hương lộ các ấp và các hộ dân, các khu vực công cộng như cơ quan, trường học, trạm y tế với tổng diện tích trồng cây xanh (bao gồm cả cây bóng mát, cây cảnh, hoa...) trên địa bàn ước khoảng 36.100 m²/ 8.841 người (khoảng 4,08 m² /người).

17.12 Lượng rác thải nhựa phát sinh trên địa bàn khoảng 1,6 tấn. Lượng chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định khoảng 1,4 tấn đạt 87,5%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 17 **đạt** (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4.18. Tiêu chí số 18 chất lượng môi trường sống:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

18.1 Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 55\%$.

18.2 Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 60 lít.

18.3 Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 40\%$.

18.4 Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm 100%

18.5 Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

18.6 Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm 100%.

xã tham gia. Cuối năm 2022 xã được công nhận xã vững mạnh về quốc phòng an ninh.

19.2 Xã có ban hành Nghị quyết, UBND xã có xây dựng Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự. Trên địa bàn xã trong năm không xảy ra phạm tội nghiêm trọng, xã có 06 mô hình và 12 câu lạc bộ, trong đó có 01 mô hình phòng chống tội phạm gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Cuối năm 2022 xã được công nhận xã không tệ nạn mại dâm ma túy theo quyết định số 2265/QĐ - UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải. Xã được công nhận đạt tiêu chuẩn xã an toàn về an ninh trật tự theo quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND thị xã Duyên Hải.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 19 **đạt** (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Xã có cung cấp đầy đủ hồ sơ và các văn bản chứng minh đúng theo hướng dẫn quy định; Có đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao gửi về UBND thị xã và được UBND thị xã chấp thuận đúng theo quy trình.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Long Hữu đã được Đoàn Thẩm tra của UBND thị xã thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới nâng cao:

Tính đến thời điểm được Đoàn thẩm tra của UBND thị xã thẩm tra, xã Long Hữu không có nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

Qua thẩm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế về mức độ đạt các tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Long Hữu, xã đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022.

III. KIẾN NGHỊ:

- Các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các xã phường trên địa bàn thị xã xem xét, đóng góp ý kiến để UBND thị xã hoàn thành báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định.

- Thành viên BCD các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa thị xã xem xét tổ chức họp Ban Chỉ đạo

thị xã thảo luận, bỏ phiếu đề nghị tỉnh thẩm tra công nhận xã Long Hữu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022.

Trên đây là báo cáo của Văn Phòng điều phối Nông thôn mới thị xã Duyên Hải về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Long Hữu năm 2022./.

Nơi nhận:

- TT. Thị ủy. HĐND TX (b/c);
- CT, các PCT.UBND TX (b/c);
- BCĐ thị xã (b/c);
- VPDP thị xã (biết);
- BLĐ VP, khối KT (biết);
- Lưu VT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Huỳnh Văn Màu
Trưởng Phòng Kinh tế**